

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 131/2024/HS-ST
Ngày: 30/01/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luận;
Bà Nguyễn Thị Minh Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Lệ M - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 153/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Thị M1, sinh năm 1974 tại Thanh Hóa; nơi thường trú: Phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị H; có chồng là Nguyễn Công D và 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/11/2023 đến nay tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1969.

Nơi thường trú: 47 T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: 23 H, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định và cần tiền tiêu sài cá nhân nên Bùi Thị M1 đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ tháng 9 năm 2022, M1 nhiều lần đến cửa hàng thời trang Trung K1 ở địa chỉ D T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa để đặt may quần áo nhằm mục đích tạo sự thân quen, gần gũi rồi tự giới thiệu bản thân là nhân viên ngân hàng V, có thể giúp đỡ mọi người vay vốn với lãi suất thấp. Đến ngày 06/10/2022, Bùi Thị M1 đến cửa hàng trên để đặt may quần áo và nói chuyện với mọi người tại cửa hàng thì chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983, trú tại B H, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa là thợ may của cửa hàng tỏ ý cần

vay vốn 50.000.000đ thì Bùi Thị M1 đồng ý giúp. M1 nói với chị H1 là để vay được khoản tiền trên, chị H1 phải mua gói bảo hiểm khoản vay giá 5.000.000đ. Nhằm mục đích tạo niềm tin với chị H1, M1 đã sử dụng số tài khoản cá nhân chuyển 5.000.000đ đến số tài khoản của Hà Văn Đ sinh năm 2000, trú tại phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và giới thiệu với chị H1 đó là trưởng nhóm làm cùng cơ quan để chị H1 tin tưởng chuyển số tiền trên cho mình. Sau khi nhận được số tiền mà chị H1 chuyển đến, Bùi Thị M1 đã liên lạc với Hà Văn Đ nhờ Đ chuyển ngược lại số tiền mà M1 chuyển đến tài khoản của Đ. Cùng thủ đoạn trên, đến ngày 08/10/2022, Bùi Thị M1 tiếp tục đến cửa hàng T, qua nói chuyện nhận thấy chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1969, trú tại D T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu vay vốn 150.000.000đ, M1 đồng ý giúp. Miên yêu cầu chị K mua gói bảo hiểm khoản vay trị giá 15.000.000đ thì chị K đồng ý. Sau khi nhận được số tiền mà chị K chuyển đến, M1 đưa cho chị K một bộ hồ sơ, M1 tư vấn và giới thiệu đây là bộ hồ sơ mà M1 thường sử dụng để hỗ trợ người dân ở quê vay vốn, đồng thời hứa hẹn với chị K sẽ nhanh chóng làm hợp đồng vay vốn. Một thời gian sau, không thấy Bùi Thị M1 làm hợp đồng cho mình và cũng không thấy M1 quay lại lấy quần áo đã đặt may trước đó tại cửa hàng, chị K, chị H1 nghi ngờ bản thân bị lừa nên nhả tin, gọi điện yêu cầu M1 trả tiền. Tuy nhiên, M1 đều lấy lý do bị bệnh phải điều trị tại bệnh viện, bận nhiều việc nên né tránh, thoái thác việc trả lại tiền cho chị K và chị H1. Toàn bộ số tiền M1 chiếm đoạt của chị K và chị H1 là 20.000.000đ, M1 tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi bị tố giác, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Bùi Thị M1 về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, M1 và gia đình đã trả lại cho chị K và chị H1 toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Quá trình điều tra xác định Hà Văn Đ có mối quan hệ hàng xóm, thông gia với gia đình Bùi Thị M1. Do tin tưởng Bùi Thị M1 nên Đ đồng ý việc nhận và chuyển tiền giúp mà không hỏi thêm thông tin. Đ cũng không được hưởng lợi gì từ việc nhận và chuyển tiền cho M1 nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Đ.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị H1 đã nhận lại đủ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu, đề nghị gì thêm về dân sự.

Với nội dung trên bản cáo trạng số 90/CTr-VKS ngày 03/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Bùi Thị Miên về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự để tuyên bố bị cáo Bùi Thị M1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam.

Phản bồi thường dân sự đã giải quyết xong nên không xem xét.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị M1 khai nhận: Mặc dù không phải là nhân viên Ngân hàng V, nhưng bị cáo đã tự nhận mình là phó giám đốc Ngân hàng V - chi nhánh T1 và đưa ra những thông tin về việc có khả năng vay vốn ngân hàng với lãi suất thấp. Bằng thủ đoạn gian dối trên, tại số nhà D T, phường N, thành phố T, ngày 06/10/2022, Bùi Thị M1 đã nhận số tiền 5.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị H1; ngày 08/10/2022, Bùi Thị M1 nhận của chị Nguyễn Thị K số tiền 15.000.000 đồng và hứa hẹn sẽ nhanh chóng làm hợp đồng vay vốn tại ngân hàng cho chị H1 và chị K. Sau khi chiếm đoạt được tiền của chị H1 và chị K, bị cáo không làm bất cứ việc gì để vay vốn lãi suất thấp tại ngân hàng cho các bị hại, toàn bộ số tiền chiếm đoạt được bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và mất lòng tin trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện dưới hình thức dối trá với mục đích tư lợi, vì vậy cần phải xử lý nghiêm.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong một khoảng thời gian ngắn, từ ngày 06 -08/10/2022, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại và tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại còn lại cho các bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị H1 đã nhận lại đầy đủ số tiền 5.000.000đ, chị Nguyễn Thị K đã nhận lại đầy đủ số tiền 15.000.000đ và không có yêu cầu gì khác nên công nhận phân trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và các bị hại đã giải quyết xong.

[6]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị M1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị M1 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 24/11/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phân trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và các bị hại đã giải quyết xong.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- UBND P. Lam Sơn, TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương

